

Bản án số: 13/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 28-5-2024  
V/v tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Trần Thị Nhân.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà X, đường N, khu phố V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Q trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 26/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trở nên trầm trọng. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng cuối năm 2020 chị đã chuyển vào thành phố T, tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Q.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị Đặng Thị C đã trình bày. Nay chị C xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị C không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh Q thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 10/9/2011 và Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 02/9/2013, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Q. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cả hai cháu D và Th cho anh Q nuôi dưỡng, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng.

Về con riêng: Chị C và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị C, anh Q thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị C, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị C và anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn D, sinh ngày 10/9/2011 và Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 02/9/2013 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến

khi đủ 18 tuổi, tự lập cuộc sống; chị C cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng đối với cả hai cháu. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Đặng Thị C và bị đơn là anh Phạm Văn Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị C và anh Phạm Văn Q là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Từ khoảng cuối năm 2020 chị C đã bỏ vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm và cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị C và anh Q cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị C và anh Q thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh Q là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị C và anh Q có hai con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 10/9/2011 và Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 02/9/2013, từ khi anh chị li thân nhau đến nay cả hai cháu đều đang ở với anh Q. Nguyên vọng của cháu D và cháu Th đều xin được ở với anh Q với lý do từ khi anh chị li thân nhau đến nay một mình anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ các cháu ăn ở, học hành ổn định; bản thân các cháu đều không muốn vào miền Nam ở với chị C. Quan điểm của chị C xác định do chị đang đi làm xa, chưa ổn định cuộc sống nên chị đề nghị giao cả hai cháu cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/1 cháu/1 tháng. Quan điểm của anh Q đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và đồng ý với số tiền cấp dưỡng nuôi con của chị C là 1.500.000 đồng/1

cháu/1 tháng. Vì vậy, cần giao cả hai cháu D và Th cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/1 cháu/1 tháng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị C và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị C và anh Q thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm; chị C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị C và anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn D, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Phạm Thị Minh Th, sinh ngày 02/9/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu D và cháu Th cho anh Q 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Đặng Thị C và anh Phạm Văn Q mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; chị Đặng Thị C phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, chuyển số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000098 ngày 04 tháng 3

năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí ly hôn chị C, anh Q phải chịu và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chị C phải chịu. (Chị C và anh Q đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm; chị C đã thi hành xong phần án phí cấp dưỡng nuôi con).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thọ**













